Vietnamese | Tiếng Việt

VICTORIAN ombudsman

MẪU ĐƠN ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Mẫu đơn này dành cho những người vẫn đang sinh sống trong các tòa chung cư nhà ở chính phủ

Thanh tra viên Tiểu bang Victoria đang điều tra tác động của việc phá dỡ các tòa chung cư nhà ở chính phủ đối với cư dân.

Thanh tra viên làm việc độc lập. Chúng tôi không thuộc chính phủ hay Homes Victoria.

Câu chuyện của quý vị là quan trọng. Chúng tôi muốn hiểu quý vị đã bị ảnh hưởng và được đối xử như thế nào. Câu trả lời của quý vị sẽ giúp chúng tôi tìm ra các vấn đề và đề xuất những thay đổi cần thiết để mọi thứ trở nên công bằng hơn hoặc tốt hơn cho mọi người trong tương lai.

Quý vị không cần phải cho chúng tôi biết tên của mình. Chúng tôi sẽ không nói với Homes Victoria hoặc bất kỳ ai khác rằng quý vị đã chia sẻ câu chuyện của mình với chúng tôi. Chúng tôi có thể đưa các trích dẫn từ các ý kiến đóng góp vào báo cáo công khai. Quý vị có thể cho chúng tôi biết ở phần sau mẫu đơn này nếu quý vị đồng ý với điều này.

Quý vị có thể tìm hiểu thêm về quy trình đóng góp ý kiến tại:

ombudsman.vic.gov.au/our-impact/news/public-housing-submissions/

This form is for people who are still living in the public housing towers

The Victorian Ombudsman is investigating the impact of the public housing tower demolitions on residents.

The Ombudsman is independent. We are not part of the government or Homes Victoria.

Your story is important. We want to understand how you have been impacted and treated. Your answers will help us find any problems and recommend any changes needed to make things fairer or better for people in the future.

You don't have to tell us your name. We will not tell Homes Victoria or anyone else that you shared your story with us. We may include quotes from submissions in a public report. You can tell us later in this form if you agree to this.

You can find out more about the submissions process at this link:

ombudsman.vic.gov.au/our-impact/news/public-housing-submissions/



Thông tin về quý vị

Quý vị không cần phải cho chúng tôi biết tên của mình.

Nếu quý vị cho chúng tôi biết tên và thông tin liên lạc, chúng tôi có thể:

- thông báo cho quý vị về tiến độ điều tra
- liên lạc với quý vị nếu chúng tôi có thêm câu hỏi.

Your details

You don't have to give us your name.

If you tell us your name and contact details, we can:

- tell you about the progress of the investigation
- contact you if we have more questions.

Tên của quý vị [Quý vị có thể để trống phần này]
Your name [You can leave this blank]

Địa chỉ email của quý vị [Quý vị có thể để trống phần này]
Your email address [You can leave this blank]

Số điện thoại của quý vị [Quý vị có thể để trống phần này]
Your phone number [You can leave this blank]

Quý vị có cần hỗ trợ/điều chỉnh về giao tiếp không? [Quý vị có thể để trống phần này]
Do you need any communication assistance/adjustments? [You can leave this blank]

Tuổi của quý vị [Chọn một]
Your age [Choose one]

- Dưới 18 / Under 18
- 18–24 / 18–24
- 25–54 / 25–54
- 55–74 / 55–74
- 75 trở lên / 75 and older
- Không muốn cho biết / Prefer not to say

Quý vị nói ngôn ngữ nào ở nhà? [Quý vị có thể để trống phần này]
What language do you speak at home? [You can leave this blank]

Chúng tôi có thể dùng ý kiến của quý vị trong báo cáo mà không nêu tên quý vị không? [Chọn một]
Can we use your comments in our report without your name? [Choose one]

- Có / Yes
- Không / No
- Tôi muốn có người nói chuyện với tôi trước / I want someone to speak with me first

Quý vị có giấy tờ nào muốn gửi cho chúng tôi không?
Quý vị có thể gửi email đến submissions@ombudsman.vic.gov.au

Do you have documents you want to send us?

You can email them to submissions@ombudsman.vic.gov.au

Cách hoàn thành mẫu đơn này

Việc hoàn thành mẫu đơn này sẽ mất chưa đến **20 phút**. Chúng tôi có một số câu hỏi mà quý vị có thể chọn câu trả lời, và một số câu hỏi mà quý vị có thể tự viết câu trả lời của mình. Quý vị có thể trả lời bằng ngôn ngữ của mình.

Những câu hỏi này là để giúp quý vị cho chúng tôi biết về những điều chúng tôi đang xem xét. Nếu quý vị không **muốn** trả lời, không **biết** câu trả lời hoặc câu hỏi đó không áp dụng cho trường hợp của quý vị, quý vị có thể để trống. Không có câu trả lời nào là đúng hay sai.

Nếu quý vị không muốn trả lời **bất kỳ** câu hỏi nào, quý vị có thể chuyển đến ô văn bản tự do trong 'Phần 4 – Còn điều gì khác?' và kể cho chúng tôi câu chuyện của quý vị bằng lời của chính quý vị.

How to complete this form

This form should take less than **20 minutes** to complete. We ask some questions where you can choose an answer, and some questions where you can write your own answer. You can answer in your language.

These questions are here to help you tell us about the things we are looking into. If you don't **want** to answer, you don't **know** the answer or a question doesn't apply to your situation, you can leave it blank. There are no right or wrong answers.

If you don't want to answer **any** questions, you can skip to the free text box in 'Section 4 – Anything else?' and tell us your story in your own words.

Phần 1 – Nhà của quý vị

Section 1
Your home

1. Địa chỉ của quý vị là gì? [Quý vị có thể để trống phần này]

What is your address? [You can leave this blank]

2. Quý vị đã sống ở đó bao lâu? [Chọn một]

How long have you lived there? [Choose one]

- ☐ Dưới 1 năm / Less than 1 year
- ☐ 1–3 năm / 1–3 years
- ☐ 3–5 năm / 3–5 years
- ☐ 5+ năm / 5+ years
- ☐ Không chắc / Not sure

3. Có bao nhiêu người sống cùng quý vị? [Chọn một]

How many people live with you? [Choose one]

- ☐ 1 người / 1 person
- ☐ 2–4 người / 2–4 people
- ☐ 5+ người / 5+ people
- ☐ Không chắc / Not sure

4. Từ năm 2024, các vấn đề trong nhà quý vị đã được khắc phục: [Chọn một]

Since 2024, have problems in your home been fixed: [Choose one]

- ☐ Tốt hơn / Better
- ☐ Không thay đổi / The same
- ☐ Tệ hơn / Worse
- ☐ Không chắc / Not sure

5. Quý vị có vấn đề gì với ngôi nhà của mình mà chưa được khắc phục không?
Have you had any problems with your home that haven't been fixed?

6. Quý vị có hài lòng với ngôi nhà của mình không? [Chọn một]
Are you happy with your home? [Choose one]

- ☐ Có / Yes
- ☐ Không / No
- ☐ Không chắc / Not sure

7. Quý vị còn điều gì khác muốn nói với chúng tôi về ngôi nhà của mình không?
Is there anything else you want to tell us about your home?

Phần 2 – Được thông báo về việc chuyển nhà

Section 2
Being told to move

8. Khi nào quý vị biết mình phải chuyển đi? Hãy cho chúng tôi biết khi nào.
When did you first find out you have to move? Please tell us when.

9. Quý vị đã được thông báo về thời hạn chuyển nhà chưa? [Chọn một]
Have you been told when you need to move by? [Choose one]

- ☐ Có / Yes
- ☐ Không / No
- ☐ Không chắc / Not sure

Nếu có, quý vị cần chuyển đi trước ngày nào?
If yes, when do you need to move by?

10. Quý vị được thông báo bằng cách nào? [Chọn tất cả các đáp án phù hợp]
How were you told? [Choose all that apply]

- ☐ Thư / Letter
- ☐ Cuộc gọi điện thoại / Phone call
- ☐ Email / Email
- ☐ Có người nói trực tiếp với tôi / Someone told me in person
- ☐ Khác / Other
- ☐ Không chắc / Not sure

11. Homes Victoria đã cung cấp cho quý vị bất kỳ thông tin nào về việc chuyển nhà chưa? [Chọn một]
Has Homes Victoria given you any information about moving? [Choose one]

☐ Có
Yes

☐ Không
No

☐ Không chắc
Not sure

Nếu có, thông tin đó có dễ hiểu không?
If yes, was the information easy to understand?

☐ Có
Yes

☐ Không
No

☐ Không chắc
Not sure

12. Homes Victoria đã lắng nghe nhu cầu của quý vị và gia đình chưa? [Chọn một]
Has Homes Victoria listened to what you and your family need? [Choose one]

☐ Có
Yes

☐ Không
No

☐ Không chắc
Not sure

13. Homes Victoria đã cho quý vị biết về sự khác biệt giữa nhà ở cộng đồng và nhà ở chính phủ chưa? [Chọn một]
Has Homes Victoria told you about the difference between community housing and public housing? [Choose one]

☐ Có
Yes

☐ Không
No

☐ Không chắc
Not sure

14. Quý vị đã được đề nghị nhận một ngôi nhà khác chưa? [Chọn một]
Have you been offered another home? [Choose one]

☐ Có
Yes

☐ Không
No

☐ Không chắc
Not sure

Nếu rồi - Quý vị có chấp nhận ngôi nhà đó không?
If yes, did you accept the home?

☐ Có
Yes

☐ Không
No

Nếu không, tại sao không?

If no, why not?

15. **Quý vị có cảm thấy mình có thể nói 'không' với một căn nhà không đáp ứng nhu cầu của mình không? Vui lòng cho chúng tôi biết lý do**
Do you feel like you can say ‘no’ to a home that does not meet your needs? Please tell us why

16. **Homes Victoria đã làm tốt điều gì?**
What has Homes Victoria done well?

17. **Homes Victoria cần cải thiện điều gì?**
What could Homes Victoria do better?

18. **Còn điều gì khác mà quý vị muốn cho chúng tôi biết về cách Homes Victoria đã trao đổi với quý vị về việc chuyển nhà không?**
Is there anything else you want to tell us about how Homes Victoria talked to you about moving?

Phần 3 – Chuyển nhà

Section 3
Moving out

19. Quý vị có nhận được sự trợ giúp cần thiết để chuyển nhà không? [Chọn một]
Are you getting the help you need to move? [Choose one]

- ☐ Có / Yes
- ☐ Không / No
- ☐ Không chắc / Not sure

20. Mọi người đã bắt đầu chuyển đi khỏi tòa nhà của quý vị chưa? [Chọn một]
Have people started moving out of your building? [Choose one]

- ☐ Có / Yes
- ☐ Không / No
- ☐ Không chắc / Not sure

Nếu rồi - Tình hình của những người vẫn đang sống trong tòa nhà là như thế nào?
If yes, what is this like for people who are still living in the building?

21. Phần khó khăn nhất trong quá trình chuẩn bị chuyển nhà là gì?
What has been the hardest part about getting ready to move?

22. Điều gì đã diễn ra tốt đẹp?
What has been going well?

Phần 4 – Còn điều gì khác?

Section 4
Anything else?

23. Quý vị còn điều gì khác muốn nói với chúng tôi không?

Is there anything else you want to tell us?

VICTORIAN ombudsman